TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **549**/2019/HN-ST
Ngày: 4/10/2019
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Hoa Kiều**
+ Ông **Châu Vũ Bình**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Đỗ Thanh Phong -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:*** Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 400/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2019 về việc *"Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 5 tháng 09 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2019/QĐST-HN ngày 23 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Việt Anh A** – sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Trung B** – sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn và quá trình tố tụng chị Nguyễn Việt Anh A trình bày: chị và anh B cưới nhau năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1. Quá trình chung sống anh B không chăm lo cho gia đình, anh thường đi sớm về khuya, chị khuyên nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị và anh B ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 02 cháu tên Nguyễn Trung C, sinh ngày 21/01/2004 và Nguyễn Thị Thanh D, sinh ngày 28/12/2009 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung, nợ riêng: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Trung B vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Việt Anh A. Về tình cảm: chị A được ly hôn với anh B. Về con chung: giao cháu Nguyễn Trung C, sinh ngày 21/01/2004 và Nguyễn Thị Thanh D, sinh ngày 28/12/2009, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị A trình bày không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Việt Anh A và anh Nguyễn Trung B sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1 vào năm 2003. Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B và anh B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Trung B mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Việt Anh A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tình cảm: chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh B. Nguyên nhân ly hôn theo chị A trình bày do sống không hạnh phúc, anh A không chăm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không có tiếng nói chung. Anh B và chị A ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai anh chị không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau . Anh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh cũng không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị A, chứng tỏ anh không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng cũng như hạnh phúc gia đình với chị A, cho thấy trong cuộc sống giữa anh B và chị A đã có mâu thuẫn xảy ra. Do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ.

[4] Về con chung: có 02 con chung Nguyễn Trung C, sinh ngày 21/01/2004 và Nguyễn Thị Thanh D, sinh ngày 28/12/2009. Ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu C và cháu D đang sống ổn định với chị A và tại bản tự khai, hai cháu cũng có nguyện vọng là sống với mẹ nên tiếp tục giao cháu C và cháu D cho chị A nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: chị A không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: chị A trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung, nợ riêng: chị A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

<u>Xử:</u> Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Việt Anh A.

[1] Về tình cảm: chị Nguyễn Việt Anh A được ly hôn với anh Nguyễn Trung B.

[2] Về con chung: giao cháu Nguyễn Trung C, sinh ngày 21/01/2004 và Nguyễn Thị Thanh D, sinh ngày 28/12/2009 cho chị Nguyễn Việt Anh A tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trung B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Việt Anh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002778 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị đã nộp xong án phí.

Chị A được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với anh B tính từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Cẩm Tiên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- UBND xã N1;
- Lưu hồ sơ, án văn.